

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy chế công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ
mới của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

thuật và công nghệ mới của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công nhận tiến bộ kỹ

Bùi Bá Bồng

QUY CHẾ**công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới của
ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

*(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục đăng ký và công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới (sau đây gọi là tiến bộ kỹ thuật) trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, diêm nghiệp, vật tư nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông, lâm, thủy sản và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài làm việc tại Việt Nam có liên quan đến các hoạt động nêu tại Điều 1 của Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới

là những kỹ thuật, công nghệ lần đầu tiên được tạo ra và được cơ quan có thẩm quyền công nhận tại Việt Nam.

2. Sản xuất thử nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

3. Hội đồng Khoa học và Công nghệ cơ sở là Hội đồng do tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận thành lập; trường hợp không đủ điều kiện tự thành lập thì đề nghị một đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ chuyên ngành thành lập.

Hội đồng Khoa học và Công nghệ cơ sở có nhiệm vụ đánh giá kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và đề nghị công nhận hoặc không đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Chương II**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT**

Điều 4. Căn cứ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Việc đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật dựa trên các căn cứ sau:

a) Kết quả của các dự án sản xuất thử nghiệm;

b) Kết quả nghiên cứu hoặc một phần kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở của các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

c) Kết quả nghiên cứu, sáng kiến và cải tiến của cá nhân phù hợp yêu cầu sản xuất.

2. Kết quả quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng Khoa học và Công nghệ (KHCVN) của cấp quản lý đề tài, dự án đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật. Nếu kết quả nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và công nghệ không thuộc cấp quản lý nêu tại điểm b khoản 1 Điều này thì phải được Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở nêu tại khoản 3 Điều 3 đề nghị công nhận.

Điều 5. Tiêu chí công nhận tiến bộ kỹ thuật

Việc công nhận tiến bộ kỹ thuật dựa trên các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí chung

a) Hiệu quả kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm cao hơn so với kỹ thuật, công nghệ đang sử dụng phổ biến trong sản xuất;

b) Phù hợp yêu cầu sản xuất (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khỏe con người, phát triển ngành nghề truyền thống, chất lượng sản phẩm tốt hơn, phù hợp với điều kiện sản xuất, phong tục tập quán và một số lợi thế khác).

2. Tiêu chí cụ thể

Tùy theo từng tiến bộ kỹ thuật, cơ quan công nhận ban hành tiêu chí cụ thể phù hợp để đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật

Điều 6. Trình tự, thủ tục đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật bao gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật (Phụ lục 1);

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận (Phụ lục 2);

c) Ý kiến nhận xét bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân áp dụng tiến bộ kỹ thuật (văn bản có dấu xác nhận của tổ chức, đối với cá nhân thì có dấu của chính quyền địa phương xác nhận, nếu có) (Phụ lục 3);

d) Biên bản họp và đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật của Hội đồng Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy chế này (Phụ lục 4).

Số lượng tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này là 01 bản.

2. Nơi nhận Hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật

a) Đối với tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận chỉ áp dụng trên địa bàn của một (1) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì gửi Hồ sơ đăng ký công nhận về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi áp dụng tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận;

b) Đối với tiến bộ kỹ thuật áp dụng trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thì gửi Hồ sơ đăng ký công nhận về Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nếu tiến bộ kỹ thuật đó thuộc lĩnh vực mà Cục chuyên ngành phụ trách. Đối với tiến bộ kỹ thuật liên quan đến nhiều lĩnh vực thì gửi Hồ sơ đến Cục quản lý chuyên ngành mà tiến bộ kỹ thuật đó có liên quan nhiều nhất.

3. Tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ phải được niêm phong, ghi rõ địa chỉ, chuyển trực tiếp cho cơ quan tiếp nhận tiếp nhận hoặc qua đường Bưu điện;

b) Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ có trách

nhiệm kiểm tra sự hợp lệ của Hồ sơ theo quy định (Phụ lục 5).

Trường hợp hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật thiếu một trong các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 6 thì yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng ký bổ sung hồ sơ ngay (đối với gửi trực tiếp), trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (đối với hồ sơ gửi qua đường Bưu điện).

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG NHẬN, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ TIẾN BỘ KỸ THUẬT

Điều 7. Thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá tiến bộ kỹ thuật

1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ 15 (mười lăm ngày) làm việc, tùy theo tính chất của từng tiến bộ kỹ thuật đề nghị công nhận, cơ quan công nhận có thể lựa chọn hình thức và ra quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia tư vấn độc lập để tổ chức đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật

a) Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành: Thành viên của Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 2 Ủy viên phản biện và các thành

viên khác. Các thành viên Hội đồng phải là người am hiểu về lĩnh vực đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Tổng số thành viên của Hội đồng nhiều nhất là 9 người và phải là số lẻ, trong đó số thành viên là đại diện của doanh nghiệp, địa phương, cơ quan quản lý không quá 50%, số còn lại là các nhà khoa học. Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật không được tham gia Hội đồng.

Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu kín và kết quả theo đa số có mặt. Trong trường hợp số phiếu đồng ý công nhận và số phiếu không đồng ý công nhận bằng nhau thì kết quả theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng;

b) Tổ chuyên gia tư vấn độc lập có từ 3 người đến 5 người và phải là số lẻ, gồm: Tổ trưởng, thư ký và các thành viên; trong đó không có đại diện của tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật. Các chuyên gia độc lập phải là người am hiểu về tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận.

Tổ chuyên gia tư vấn độc lập hoạt động theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, kết quả theo đa số có mặt.

Điều 8. Trình tự, thủ tục đánh giá tiến bộ kỹ thuật

1. Trình tự, thủ tục đánh giá tiến bộ kỹ thuật bằng hình thức Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành:

a) Trước phiên họp ít nhất 7 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, đánh giá tiến bộ kỹ thuật có trách nhiệm gửi tới thành viên Hội đồng hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận;

b) Sau khi nghiên cứu hồ sơ, nếu có thành viên Hội đồng kiến nghị về việc phải kiểm tra, đánh giá tại thực địa thì Chủ tịch Hội đồng đề nghị Cơ quan đánh giá công nhận TBKT tổ chức nhóm chuyên gia kiểm tra, đánh giá tại thực địa nơi triển khai tiến bộ kỹ thuật; sau khi kiểm tra đánh giá, nhóm chuyên gia lập biên bản gửi Chủ tịch Hội đồng (Phụ lục 6);

c) Chủ tịch Hội đồng quyết định thời gian họp đánh giá không quá 15 ngày làm việc sau khi có quyết định thành lập Hội đồng. Trong trường hợp phải kiểm tra, đánh giá tại thực địa thì thời gian không quá 30 ngày làm việc. Phiên họp họp lẻ của Hội đồng khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Mỗi thành viên phải có nhận xét, đánh giá độc lập về tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận bằng văn bản (Phụ lục 7);

d) Thư ký ghi Biên bản phiên họp của Hội đồng (Phụ lục 4). Ban kiểm phiếu gồm 3 Ủy viên là thành viên Hội đồng gồm: Trưởng ban, thư ký và ủy viên để tiến hành thủ tục bỏ phiếu, kiểm phiếu đánh giá và ghi biên bản kiểm phiếu.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá tiến bộ kỹ thuật bằng hình thức chuyên gia tư vấn độc lập.

a) Sau khi có quyết định thành lập Tổ tư vấn độc lập, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, đánh giá có trách nhiệm gửi tới thành viên Tổ tư vấn hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận;

b) Các chuyên gia tư vấn độc lập làm việc trên cơ sở hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật; nếu xét thấy cần thiết thì tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế tại hiện trường. Chuyên gia tư vấn độc lập phải hoàn thành việc đánh giá không quá 15 ngày làm việc sau khi có quyết định của Cơ quan đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật. Trong trường hợp phải kiểm tra, đánh giá tại thực địa thì thời gian không quá 30 ngày làm việc. Mỗi chuyên gia tư vấn phải có nhận xét, đánh giá độc lập về tiến bộ kỹ thuật đăng ký công nhận bằng văn bản (Phụ lục 7);

c) Các chuyên gia tư vấn bỏ phiếu kín, kết quả theo đa số có mặt.

3. Sau phiên họp chính thức, tối đa không quá 5 ngày, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành, Tổ trưởng Tổ tư vấn có trách nhiệm chuyển toàn bộ Hồ sơ, Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu, các ý kiến nhận xét của các thành viên và các tài liệu liên quan cho cơ quan chủ trì đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 9. Trình tự và thẩm quyền công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Căn cứ kết quả đánh giá, đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật quy định Điều 8 của Quy chế này, Thủ trưởng cơ quan đánh giá công nhận TBKT ra quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật. Trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan công nhận không nhất trí kết quả đánh giá của Hội đồng hoặc Tổ chuyên gia tư vấn thì có thể ra quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ tư vấn khác để đánh giá lại, hoặc tự quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Thẩm quyền công nhận tiến bộ kỹ thuật

a) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật áp dụng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Cục trưởng Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật áp dụng trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên thuộc lĩnh vực Cục chịu trách nhiệm quản lý.

3. Sau khi nhận đủ Hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này, trong thời hạn 7 ngày làm việc, Thủ trưởng cơ quan nêu tại khoản 2 Điều này ra quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 10. Tạm dừng và khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Cơ quan nào ra quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thì cơ quan đó có quyền ra quyết định tạm dừng và khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật.

2. Tạm dừng hiệu lực thi hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận không thực hiện trách nhiệm tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này;

b) Tiến bộ kỹ thuật sau một thời gian áp dụng trong thực tế không đáp ứng được các tiêu chí chung và tiêu chí cụ thể hoặc gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất, đời sống, môi trường;

c) Vi phạm các quy định có liên quan của Luật sở hữu trí tuệ.

3. Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật được khôi phục hiệu lực thi hành khi tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật bị tạm dừng đã khắc phục được lý do tạm dừng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Hủy bỏ hiệu lực quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Cơ quan nào ra quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thì cơ quan đó có

quyền hủy bỏ hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật.

2. Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật bị hủy bỏ khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận tự nguyện đề nghị hủy bỏ;

b) Sau khi áp dụng trong thực tế, tiến bộ kỹ thuật không còn đáp ứng được các tiêu chí chung và tiêu chí cụ thể và gây hậu quả xấu đến sản xuất, đời sống, môi trường mà không thể khắc phục được;

c) Sau thời hạn 01 tháng kể từ khi quyết định tạm dừng có hiệu lực thi hành mà tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật bị tạm dừng không khắc phục được lý do tạm dừng quy định tại khoản 2 Điều 10 của quy chế này.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận

1. Quyền của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận.

a) Được quảng cáo, công bố, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chuyển giao, chuyển nhượng và các quyền lợi theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm về quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật và quy định tại khoản 1

của Điều này trong việc đánh giá không đúng tiến bộ kỹ thuật của mình;

c) Trong thời gian tạm dừng hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật, tổ chức và cá nhân có TBKT không có các quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có tiến bộ kỹ thuật được công nhận.

a) Cung cấp các tài liệu, vật liệu cần thiết về tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Hướng dẫn quy trình kỹ thuật áp dụng tiến bộ kỹ thuật cho tổ chức, cá nhân được chuyển giao;

c) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 13. Kinh phí hoạt động đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật phải nộp các khoản chi phí liên quan đến việc đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật theo quy định. Trường hợp chưa có quy định của nhà nước thì chi phí do các bên thỏa thuận.

2. Các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sử dụng số tiền quy định tại khoản 1 Điều này. Nếu thiếu, được cấp bổ sung vào nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của Cục.

3. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được sử dụng số tiền quy định tại khoản 1 Điều này và kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố cấp cho các hoạt động đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, thành phố.

4. Các khoản chi cho hoạt động đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương IV

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 14. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về đăng ký, công nhận, áp dụng tiến bộ kỹ thuật thực hiện theo Luật khiếu nại và Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 15. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện quy chế này sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tôn vinh tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc nghiên

cứu, tạo ra các tiến bộ kỹ thuật mới thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc ở mức độ cao hơn theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật, thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia tư vấn độc lập, quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật, quyết định tạm dừng tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận, khôi phục và hủy bỏ quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật; chỉ đạo triển khai, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật

thuộc lĩnh vực chuyên ngành trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng chiến lược, kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, đánh giá tiến bộ kỹ thuật áp dụng trong sản xuất.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc phạm vi chuyên ngành được phân công.

5. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng/năm, báo cáo năm và theo yêu cầu đột xuất của Bộ về kết quả đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật (Thông qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) (Phụ lục 8).

Điều 18. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

1. Tổng hợp, trình Bộ kế hoạch công nhận tiến bộ kỹ thuật hàng năm.

2. Chủ trì hướng dẫn, giám sát, tổng hợp việc thẩm định, công nhận tiến bộ kỹ thuật.

3. Chủ trì và phối hợp với cơ quan liên quan đề nghị hình thức khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc việc thực hiện quy chế này.

Điều 19. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

1. Tổng hợp, phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên cho Các Cục để đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật và trình Bộ phê duyệt.

2. Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra và quyết toán việc sử dụng kinh phí đánh giá, công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký tiến bộ kỹ thuật, thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia tư vấn độc lập, quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật, quyết định tạm dừng tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận, khôi phục và hủy bỏ quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật mà tiến bộ kỹ thuật đó chỉ áp dụng trên địa bàn của tỉnh, thành phố.

2. Chỉ đạo triển khai các tiến bộ kỹ thuật, giám sát việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trên địa bàn.

3. Nhận xét kết quả áp dụng tiến bộ kỹ thuật trên địa bàn.

4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong việc đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật trên địa bàn.

5. Tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng/năm, báo cáo năm và theo yêu cầu đột xuất của Bộ về kết quả đăng ký, công nhận tiến bộ kỹ thuật (Thông qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

Phụ lục 1

(Đơn đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới)
*(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
 TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MỚI

Kính gửi:.....

1. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:

3. Nguồn gốc, tác giả của TBKT:

4. Tóm tắt nội dung, kết quả, quy trình kỹ thuật, công nghệ, điều kiện áp dụng, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng TBKT, CN vào sản xuất.....

5. Đề xuất địa bàn và thời gian áp dụng:

Đề nghị

làm các thủ tục công nhận TBKT, CN..... là TBKT, CN để được áp dụng vào sản xuất./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2: (Tham khảo)

(Báo cáo kết quả nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm

TBKT, CN lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT)

(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM TIẾN BỘ KỸ THUẬT,
CÔNG NGHỆ MỚI ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:

2. Tên cơ quan, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tác giả TBKT, CN:

3. Phương pháp, nguồn gốc của tiến bộ kỹ thuật, công nghệ:

Phương pháp nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm; Nguồn gốc tiến bộ kỹ thuật,
công nghệ;

4. Tóm tắt nội dung, kết quả, điều kiện, quy trình chuyển giao của tiến bộ kỹ thuật,
công nghệ

- Nội dung của TBKT, CN

- Các kết quả từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm (nếu có); phân tích hiệu quả
kinh tế, xã hội, môi trường khi áp dụng TBKT, CN vào sản xuất...).- Địa điểm, thời gian và quy mô đã áp dụng; tổng hợp ý kiến nhận xét của các tổ
chức, cá nhân áp dụng TBKT, CN; nhận xét của các địa phương.

- Quy trình áp dụng TBKT, CN.

- Điều kiện áp dụng.

5. Đề xuất địa bàn áp dụng:
6. Kết luận và đề nghị:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BÁO CÁO
(Ký tên và đóng dấu)

Phần phụ lục:

Một số hình ảnh liên quan (Nếu có điều kiện nên dùng ảnh màu).
Biên bản họp Hội đồng KHCN cơ sở.

Phụ lục 3: (Tham khảo)

(Nhận xét ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đăng ký, công nhận)
(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

NHẬN XÉT

ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THỬ NGHIỆM TRONG SẢN XUẤT
(Dùng cho tổ chức, cá nhân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới đề nghị công nhận:
2. Tên tổ chức, cá nhân triển khai kết quả nghiên cứu, thử nghiệm:
3. Tên, địa chỉ ứng dụng:

II. NỘI DUNG NHẬN XÉT:

1. Nội dung ứng dụng:
2. Nhận xét kết quả đạt được khi ứng dụng TBKT, CN về:
 - a) Vượt so với kỹ thuật, công nghệ hiện đang áp dụng về năng suất đạt được;
 - b) Hiệu quả kinh tế cao hơn so với đối chứng;
 - c) Phù hợp yêu cầu sản xuất hơn (cơ cấu cây trồng, mùa vụ; giảm mức độ nhiễm sâu bệnh; sản xuất sạch, thân thiện môi trường, thích ứng, né tránh điều kiện ngoại cảnh bất thuận, có tính cạnh tranh cao hơn, bảo vệ sức khỏe con người, phát triển ngành nghề truyền thống...).

3. Đánh giá kết quả (Ưu điểm, tồn tại) của TBKT, CN trong sản xuất

III. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ:

(có đề nghị công nhận TBKT, CN hay không?)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN XÉT
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 4: (Tham khảo)

(Biên bản họp Hội đồng KH-CN chuyên ngành)

(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT,
CÔNG NGHỆ MỚI**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ:
2. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận TBKT:
3. Quyết định thành lập Hội đồng:
4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (Đối với cuộc họp đánh giá chính thức)

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

5. Khách mời tham dự Hội đồng (Đối với phiên họp đánh giá chính thức)
6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

II. NỘI DUNG PHIÊN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng nghe báo cáo kết quả TBKT, CN đề nghị công nhận.
2. Ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và khách mời:
3. Kết luận của chủ tịch Hội đồng:
4. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng ban

Ủy viên:

5. Kết quả bỏ phiếu kín đánh giá công nhận TBKT, CN.

Công nhận	Phiếu;	Không công nhận	Phiếu
-----------	--------	-----------------	-------

6. Kiến nghị:

Thời gian kết thúc cuộc họp vào hồi.... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi họ và tên)

Phụ lục 5: (Tham khảo)

(Mẫu thẩm định hồ sơ đăng ký công nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới)
(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHIẾU THẨM ĐỊNH

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI

Tên TBKT, CN đăng ký công nhận:

Tác giả:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận:

1. Về Hồ sơ, thủ tục đăng ký công nhận TBKT, CN

- Hồ sơ gồm:

.....

.....

- Hồ sơ đảm bảo đủ, đúng thủ tục.

2. Về nguồn gốc TBKT, CN đăng ký công nhận

- Đáp ứng hoặc không đáp ứng tiêu chí của TBKT, CN đăng ký áp dụng vào sản xuất.

3. Kết luận:

- Đủ căn cứ báo cáo trước Hội đồng KH-CN chuyên ngành, đề nghị Cục trưởng/Giám đốc..... cho phép lập Hội đồng KH-CN chuyên ngành đánh giá TBKT.

- Không đủ căn cứ, đề nghị Cục trưởng/Giám đốc Sở thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận TBKT./.

CHUYÊN VIÊN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ

TRƯỞNG PHÒNG.....

Phụ lục 6: (Tham khảo)

(Biên bản kiểm tra, đánh giá thực tế tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới tại hiện trường của Hội đồng KH-CN chuyên ngành)

(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BIÊN BẢN

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ TIẾN BỘ KỸ THUẬT,
CÔNG NGHỆ MỚI TẠI HIỆN TRƯỜNG

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ đăng ký công nhận:
2. Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá công nhận TBKT, CN mới
3. Quyết định thành lập Hội đồng KH-CN/Tổ.....
Quyết định số..../QĐ..... ngày..../...../200..... của.....
4. Tên tổ chức, cá nhân áp dụng TBKT, CN mới đăng ký công nhận:
5. Địa điểm và thời gian đánh giá:.....
6. Số thành viên Hội đồng/Tổ đánh giá (ghi rõ Họ và tên):

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Hội đồng/Tổ chuyên gia đã đánh giá các nội dung chính (Ghi rõ các nội dung cần đánh giá, so sánh thực tế với Báo cáo):
2. Kết luận và kiến nghị
 - 2.1. Kết luận:
 - 2.2. Kiến nghị

THƯ KÝ

(Họ tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG/TỔ CHUYÊN GIA

(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 7: (Tham khảo)

(Bản nhận xét, đánh giá công nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới)

(Dùng cho thành viên Hội đồng/Tổ chuyên gia đánh giá)

(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BẢN NHẬN XÉT
ĐÁNH GIÁ TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI**

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tiến bộ kỹ thuật, công nghệ đăng ký công nhận:
2. Tổ chức, cá nhân đề nghị đánh giá công nhận TBKT, CN
3. Quyết định thành lập Hội đồng số
4. Họ và Tên thành viên/chuyên gia đánh giá:

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

- Sự cần thiết
- Nội dung TBKT, CN
- Giá trị khoa học, thực tiễn
- Đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu
- Ưu điểm và tồn tại
- Kết luận và đề nghị.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 8: (Tham khảo)

(Mẫu báo cáo kết quả công nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới)
(ban hành theo Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG NHẬN TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(dùng cho báo cáo 6 tháng đầu năm và báo cáo năm)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Quyết định số:...../2008/QĐ-BNN ngày..... tháng..... năm 2008, công nhận TBKT, CN lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 6 tháng đầu năm (hoặc năm.....), Cục/Sở....., đã tổ chức thực hiện một số nội dung sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

1. Về đăng ký, công nhận TBKT, CN: đã nhận đơn đăng ký công nhận TBKT, CN của... (số lượng)... tổ chức, cá nhân trên địa bàn... (số lượng)... tỉnh (Ghi rõ loại TBKT và vùng áp dụng).

Cục/Sở đã tổ chức đánh giá... (số lượng)... phiên họp theo hình thức Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành;..... (số lượng)... theo hình thức chuyên gia đánh giá độc lập. Kết quả như sau:

... (số lượng)... TBKT được công nhận (Phân loại và theo vùng).

... (số lượng)... TBKT không được công nhận (Ghi rõ loại TBKT).

Lý do không công nhận:

2. Về tạm dừng, hủy bỏ quyết định công nhận TBKT, CN:

3. Về thực hiện kiểm tra, giám sát, khiếu nại, tố cáo:

4. Về chỉ đạo triển khai TBKT trong sản xuất:

5. Về sử dụng kinh phí:

II. KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM (HOẶC NĂM.....)

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ:

IV. KẾT LUẬN, ĐỀ NGHỊ:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ KHCN;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ